TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023. Về việc: "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Kim N, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Ông Võ Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn bà Bùi Kim N trình bày: Nguyên đơn bà Bùi Kim N với bị đơn ông Võ Văn H cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyển số I, ngày 22 tháng 4 năm 1990. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong sinh hoạt hằng ngày thường xuyên

bất đồng quan điểm cự cãi nhau, người thân cùng các con động viên khắc phục nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà N, ông H đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân vợ, chồng không còn quan tâm qua lại với nhau. Bà N, ông H chung sống có 03 con chung là Võ Thanh D, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993; Võ Thị Thuỳ V, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1996; Võ Thị Thuỳ B, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004, hiện cháu D đã lập gia đình riêng, cháu V, cháu D đang chung sống với bà N.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Con chung Võ Thanh D, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993; Võ Thị Thuỳ V, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1996; Võ Thị Thuỳ B, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004 đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông H biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà N, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 3, ngày 30 tháng 3 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện xin ly hôn với ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông H có nơi cư trú tại huyện Mang Thít. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông H vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông H là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N với ông H cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh

Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyển số I, ngày 22 tháng 4 năm 1990 là hôn nhân hợp pháp, được công nhận là vợ chồng.

Xét, bà N cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong sinh hoạt hằng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau, đã ly thân từ năm 2020. Thời gian ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm qua lại với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án ông H không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N với ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, con chung của bà N, ông H là Võ Thanh D, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993; Võ Thị Thuỳ V, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1996; Võ Thị Thuỳ B, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004 đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Kim N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Bùi Kim N được ly hôn với bị đơn ông Võ Văn H.

2. Về con chung: Võ Thanh D, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993; Võ Thị Thuỳ V, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1996; Võ Thị Thuỳ B, sinh ngày 04 tháng 10

năm 2004 đã thành niên, sức khỏe bình thường, không có yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Kim N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, lai số: Nº 0007602, ngày 22 tháng 02 năm 2023, nên không phải nộp thêm.

Đương sự (nguyên đơn) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc